

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 135/2017/HSST.
Ngày: 27/7/2017.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân nhân: Ông Lò Văn Quốc + Ông Hà Ngọc Phương.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lò Việt Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 132/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Lường Văn D; tên gọi khác: Không; SN: 1991; nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; con ông: Lường Văn H – SN: 1970 và bà: Lường Thị B – SN: 1972; bị cáo có vợ là: Quàng Thị L – SN: 1994 và có 01 con 05 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn – Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/3/2017, cho đến nay có mặt tại phiên toà.

* Những người bị hại:

- Ông Quàng Văn M, SN: 1957, trú tại: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La (*Vắng mặt có lý do*).

- Chị Quàng Thị C, SN: 1998, trú tại: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La (*Vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Lường Văn D là nhân viên bán hàng, theo hợp đồng lao động thời vụ với cửa hàng xăng dầu số 01 có trụ sở tại tiểu khu 05, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La. Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 17/01/2017, sau khi ăn cơm uống rượu tại nhà một người bạn ở bản T, xã B1, huyện T, tỉnh Sơn La, thì D điều khiển xe máy BKS: 26

B1 – 928.22 đi theo hướng Quốc lộ 6, chiều Hà Nội – Điện Biên để về nơi làm việc (*Cửa hàng xăng dầu số 01*). Khi đến đoạn Km 322 + 200m, thuộc địa phận bản C, xã B2, huyện T, thì do bị cáo say rượu, không làm chủ được tay lái để xe máy lấn sang phần đường dành cho xe chạy ngược chiều (*Điện Biên – Hà Nội*) rồi đâm vào 01 chiếc xe máy BKS: 26H1 – 1062 đang chạy ngược chiều do ông Quảng Văn M điều khiển. Hậu quả làm bản thân bị can D, ông Quảng Văn M và chị Quảng Thị C (Người ngồi sau xe ông M) cùng bị thương, 02 phương tiện xe máy bị hư hỏng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường do cơ quan Điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, tiến hành vào hồi 15 giờ ngày 17/01/2017, thể hiện:

Vị trí xảy ra vụ tai nạn giao thông thuộc Km 322 + 200m – Quốc lộ 6, thuộc địa phận bản C, xã B2, huyện T, tỉnh Sơn La, là đoạn đường xuống dốc, có vòng cua từ trái qua phải theo chiều Hà Nội – Điện Biên, tầm nhìn hạn chế, lề đường bên phải là Ta luy dương, lề đường bên trái là Ta luy âm có hệ thống phòng vệ mềm giao thông, mặt đường nhựa rộng 7,65 m. Hiện trường sau vụ va chạm gồm có: 01 xe máy BKS: 26H1 – 1062 sau khi bị đâm ở phần đường đang chuyển động (*Điện Biên – Hà Nội*) đã rê trượt, đổ ngã ở tư thế cuối cùng giữa lòng đường, đầu xe quay ngược về hướng Điện Biên; 01 xe máy BKS: 26 B1 – 928.22 đổ ngã ở tư thế cuối cùng bên phần đường phải hướng Hà Nội – Điện Biên, đầu xe quay ngược về hướng Hà Nội.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện 02 chiếc xe máy liên quan đến vụ tai nạn giao thông thể hiện:

- Phương tiện xe máy do bị cáo Lương Văn D điều khiển, BKS: 26 B1 – 928.22, nhãn hiệu HONDA, số loại Future, màu sơn đỏ - đen, hiện trạng sau vụ tai nạn như sau: Gáo gương bên phải bị bật bong khỏi vị trí bắt giữ ban đầu; ốp nhựa bên ngoài đèn tín hiệu phía trước bên trái rơi khỏi vị trí bắt giữ ban đầu; tại mép ngoài bánh lốp phía trước để lại 01 vết trượt, để lộ phần cao su màu đen, vết có kích thước 11 x 0,3 cm; giảm xóc phía trước bên trái tại điểm bắt giữ với trục bánh xe để lại 01 vết trượt, có chiều hướng từ trước về sau, vết có kích thước 22 cm x 05 cm; cánh yếm phía trước bên trái có 01 vết va đập làm vỡ lớp nhựa không rõ hình dạng; tại ốp kim loại bảo vệ động cơ phía trái để lại 01 vết va đập làm vỡ vỏ kim loại loại bên ngoài, để lộ động cơ bên trong; cần số phía trước bên trái bị đẩy từ trước về sau, lệch so với vị trí ban đầu 04 cm; tại ốp kim loại bảo vệ ống xả để lại 01 vết dịch màu nâu đỏ đã khô, kích thước 12 x 08 cm.

- Phương tiện xe máy do ông Quảng Văn M điều khiển, BKS: 26H1 – 1062, nhãn hiệu SYM, số loại Elegant, màu sơn xanh – trắng – đen, hiện trạng sau vụ tai nạn như sau: Gương chiếu hậu bên trái bị gãy, rơi khỏi vị trí bắt giữ; cụm đèn chiếu sáng phía trước bị gãy, bung khỏi vị trí bắt giữ; cụm đèn tín hiệu phía trước bên trái bị nứt vỡ, rơi khỏi vị trí bắt giữ; ốp mặt nạ phía trước bị long lay, nứt vỡ không rõ hình; 02 bên cánh yếm bị nứt vỡ thành nhiều mảnh không rõ hình; chấn bùm phía trước bị gãy vỡ rơi khỏi vị trí bắt giữ; càng bánh xe phía trước bị gãy, đẩy cong từ trước về sau lệch so với vị trí ban đầu 04 cm; vành bánh trước bị gãy, vỡ, kích thước 27 x 06 cm; cần số bị đẩy cong từ trước về sau, từ trái qua phải lệch so với vị

trí ban đầu 07 cm; mặt ngoài tay lái bên phải có vết cày xước, kích thước 3 x 3,2 cm; mặt ngoài cần phanh tay có vết cày xước theo hướng từ trước về sau, kích thước 03 x 01 cm.

Kết quả điều tra về điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông liên quan đến vụ tai nạn thể hiện:

- Bị cáo Lương Văn D, có giấy phép lái xe hạng A1, số: 140090006767, do sở Giao thông vận tải sơn la cấp đổi ngày 31/10/2016; chiếc xe máy BKS: 26 B1 – 928.22, thuộc quyền sở hữu của cửa hàng xăng dầu số 01; có tham gia hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự. Kết quả đo nồng độ cồn vào hồi 14 giờ 28 phút ngày 17/01/2017 đối với bị cáo D là 1,224 mg/l.

- Người bị hại (Ông Quàng Văn M) có giấy phép lái xe hạng A1, số: 140152014196, do sở Giao thông vận tải sơn la cấp đổi ngày 23/12/2015; có tham gia hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự. Kết quả đo nồng độ cồn vào hồi 14 giờ 34 phút ngày 17/01/2017 đối với ông Quàng Văn M là 0,000 mg/l.

Tại bản Kết luận định giá tài sản về tổ tụng hình sự số: 76/KL – ĐGTS ngày 23/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, có nội dung: Thiệt hại xe mô tô (Xe máy) BKS: 26H1 – 1062 là 290.000đ (Hai trăm chín mươi ngàn đồng); Thiệt hại xe mô tô (Xe máy) BKS: 26 B1 – 928.22 là 920.000đ (Chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 27/TgT ngày 21/03/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, đối với ông Quàng Văn M có nội dung: Cắt bỏ 1/3 dưới đùi trái làm mồm cụt (Xếp: 65 %); sẹo phẫu thuật cắt đùi trái, bàn ngón tay trái, số lượng nhiều, kích thước lớn (Xếp 11 %); Mất đốt IV-V tay trái xếp 2 %); cứng khớp đốt bàn ngón IV-V tay trái (Xếp 7 %). Áp dụng công thức cộng lùi theo quy định, tổng mức độ tổn hại % sức khỏe là: 71,60 %, làm tròn số: 72 %. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 72 % (Bảy mươi hai phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 28/TgT ngày 21/03/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, đối với chị Quàng Thị C có nội dung: Sẹo vết thương phần mềm đùi trái, số lượng ít, kích thước lớn (Xếp: 8 %); gãy kín 1/3 giữa xương đùi, còn dụng cụ kết hợp xương, thẳng trục đang can (Xếp 25 %). Áp dụng công thức cộng lùi theo quy định, tổng mức độ tổn hại % sức khỏe là: 31 %. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 31 % (Ba mươi một phần trăm).

Tại cơ quan Điều tra, bị can Lương Văn D đã khai nhận như sau: Ngày 17/01/2017, sau khi uống rượu say, điều khiển xe máy BKS: 26 B1 – 928.22, đi lẫn sang phần đường ngược chiều gây ra vụ tai nạn tại Km 322 + 200m – Quốc lộ 6, thuộc địa phận bản C, xã B2, huyện T, tỉnh Sơn La, dẫn đến hậu quả làm ông Quàng Văn M (Người trực tiếp điều khiển xe máy BKS: 26H1 – 1062) tổn hại 72 % (Bảy mươi hai phần trăm) sức khỏe, chị Quàng Thị C (Người ngồi phía sau) tổn hại 31 % (Ba mươi một phần trăm) sức khỏe; thiệt hại về tài sản (Tiền sửa

chữa) 02 xe máy là 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười ngàn đồng) như đã nêu ở trên.

Quá trình điều tra những người bị hại có ý kiến: Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn là do lỗi của bị can D, điều khiển xe máy lấn sang phần đường ngược chiều. Về trách nhiệm dân sự đã được hai bên thỏa thuận giải quyết như sau: Bị can D đã tự nguyện bồi thường xong cho chị Quảng Thị C toàn bộ thiệt hại về sức khỏe với số tiền 49.500.000đ; đã bồi thường cho ông Quảng Văn M thiệt hại về sức khỏe số tiền 81.255.000đ, số còn lại 15.000.000đ thỏa thuận bị can có trách nhiệm bồi thường đủ vào ngày 30/12/2017.

Quá trình điều tra, bà Lò Mai K - Đại diện Cửa hàng xăng dầu số 01 có ý kiến: Việc bị can D sau khi uống rượu, sử dụng xe máy của đơn vị gây tai nạn giao thông đã vi phạm khoản 4 mục 1 phụ lục ban hành, kèm theo nội quy lao động của ngành xăng dầu. Tuy nhiên sau khi nhận lại chiếc xe từ cơ quan Điều tra, thì bị can Dũng đã tự nguyện sửa chữa toàn bộ hư hỏng do lỗi của bị can gây ra. Do vậy không có ý kiến đề nghị gì thêm đối với Lương Văn D.

Tại bản Cáo trạng số: 95/KSĐT ngày 29/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố bị can Lương Văn D về tội: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, theo điểm b, đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố bị cáo Lương Văn D, với tội danh và Điều khoản luật áp dụng như trên. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các điểm b, đ khoản 2 Điều 202 – các điểm b, p khoản 1 Điều 46 – khoản 2 Điều 46 - khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách đối với bị cáo là 60 tháng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 202 Bộ luật hình sự “ Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm ” đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 601 Bộ luật dân sự; để công nhận sự thỏa thuận về vấn đề bồi thường dân sự giữa bị cáo và người bị hại trong vụ án.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc cơ quan đã trả lại vật chứng là chiếc xe máy BKS: 26H1 – 1062 cho chủ sở hữu là ông Quảng Văn M; trả lại chiếc xe máy BKS: 26 B1 – 928.22 cho chủ sở hữu hợp pháp là cửa hàng xăng dầu số 01 có trụ sở tại tiểu khu 05, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La.

Tuyên trả lại vật chứng là: 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo (D) có ý kiến: Nhất trí với tội danh bị truy tố, xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho phía người bị hại mà giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội làm ra khoản tiền 15.000.000đ bồi thường cho ông M vào ngày 30/12/2017 như đã thỏa thuận.

Ý kiến của người bị hại - ông Quảng Văn M, tại đơn xin giải quyết vắng mặt: Đã được bị cáo bồi thường 81.255.000đ, số còn lại 15.000.000đ nhất trí thỏa thuận gia hạn cho bị cáo thanh toán đủ vào ngày 30/12/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bị hại – Chị Quảng Thị C, tại đơn xin giải quyết vắng mặt: Đã nhận đủ số tiền bồi thường theo yêu cầu từ bị cáo là 49.500.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

Tại phiên tòa: Những người bị hại (Ông Quảng Văn M và chị Quảng Thị C vắng mặt có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự; Đề xét xử vắng mặt những người bị hại.

Về nội dung: Ngày 17/01/2017, bị cáo Lường Văn D đã thực hiện các hành vi: Điều khiển xe máy BKS 26 B1 – 928.22 trong tình trạng cơ thể có nồng độ cồn vượt quá 0,25 gam/1 lít khí thở, trong quá trình tham gia giao thông đã lấn sang phần đường dành cho xe ngược chiều, là các hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8 và Điều 9 Luật giao thông đường bộ, gây ra vụ tai nạn giao thông tại: Km 322 + 200m – Quốc lộ 6 (Thuộc địa phận bản C, xã B2, huyện T, tỉnh Sơn La), dẫn tới hậu quả làm ông Quảng Văn M (Người trực tiếp điều khiển xe máy BKS: 26H1 – 1062) chạy ngược chiều tổn hại 72 % (Bảy mươi hai phần trăm) sức khỏe và chị Quảng Thị C (Người ngồi phía sau) tổn hại 31 % (Ba mươi một phần trăm) sức khỏe; thiệt hại về tài sản (Tiền sửa chữa) 02 xe máy là 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười ngàn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự cùng nhận thức về luật giao thông đường bộ, để biết rõ nếu cố ý vi phạm khi tham gia giao thông sẽ gây nguy hiểm cho người và phương tiện giao thông khác trên đường. Nhưng do thái độ thiếu ý thức chấp hành pháp luật mà đã vi phạm. Lỗi

đi không đúng phần đường là nguyên nhân trực tiếp gây ra vụ tai nạn, dẫn đến hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của phía những người bị hại.

Xét nguồn chứng cứ là biên bản khám nghiệm hiện trường, phương tiện giao thông trong vụ tai nạn, kết luận giám định về thương tích, bản ảnh, lời khai của bị cáo, lời khai của những người bị hại là phù hợp với nhau và phù hợp với thực tế khách quan vụ án. Trên cơ sở đó đủ căn cứ kết luận bị cáo Lương Văn D đã phạm vào tội: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự, như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, là có căn cứ pháp luật.

Tại Điều 202 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng.

.....

d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng. ”.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lỗi vi phạm luật giao thông đường bộ được quy định đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới - Nguồn nguy hiểm cao độ của bị cáo đã gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an ninh xã hội trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ. Trong vụ án tuy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý về hậu quả nhưng thực tế hậu quả nghiêm trọng đã xảy ra. Do đó cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ý thức chấp hành pháp luật nói chung và Luật giao thông đường bộ nói riêng. Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự, với mức hình phạt tù từ ba năm đến mười năm, là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Xét bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi vô ý; đã nhận thức được lỗi làm thể hiện bằng thái độ tích cực vay mượn tiền để kịp thời bồi thường khắc phục hậu quả cho phía những người bị hại, được phía người bị hại cùng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt. Đó đó cần xem xét áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ,

theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đảm bảo được chế tài hình phạt, đồng thời phù hợp với nguyên tắc khoan hồng của pháp luật nhà nước đối với người phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nhân thân tốt, theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại, do vậy thời gian thử thách đối với bị cáo được tính từ ngày tuyên án, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Đối với hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 202 Bộ luật hình sự “ *Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm* ”. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và cần thiết sử dụng xe máy làm phương tiện mưu sinh cuộc sống hàng ngày. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng.

Đối với vấn đề trách nhiệm dân sự: Xét nội dung thỏa thuận giữa bị cáo và những người bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 601 Bộ luật dân sự; nên cần được chấp nhận. Trong đó với người bị hại Quảng Thị C đã nhận đủ số tiền 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng), do vậy không đặt ra vấn đề giải quyết tại phiên tòa; đối với người bị hại Quảng Văn M đã nhận được 81.255.000đ, trong tổng số 96.255.000đ (*Chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) đã thỏa thuận. Số còn lại 15.000.000đ ông M nhất trí để bị cáo bồi thường đủ vào ngày 30/12/2017, nên cần được ghi nhận trong bản án.

Đối với việc cơ quan Điều tra xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe máy BKS: 26H1 – 1062 cho ông Quảng Văn M; trả lại chiếc xe máy BKS: 26 B1 – 928.22 của hàng xăng dầu số 01 - Trụ sở tại tiểu khu 05, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, là phù hợp với quy định tại: điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, nên được chấp nhận.

Đối với vật chứng là 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên bị cáo. Xét do không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đã đánh giá, phân tích ở trên. Nên cần tuyên trả lại cho bị cáo, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 BLTTHS; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người bị hại được quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Lường Văn D phạm tội: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

2. Về hình phạt:

Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 202 – các điểm b, p khoản 1 Điều 46 – khoản 2 Điều 46 – khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lường Văn D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 60 (Sáu mươi) tháng, được tính từ ngày tuyên án (27/7/2017).

- Giao bị cáo Lường Văn D cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 601 Bộ luật dân sự;

- Cộng nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lường Văn D và người bị hại Quảng Văn M về việc bị cáo D có trách nhiệm bồi thường khoản tiền còn lại theo thỏa thuận là 15.0000.000đ (Mười lăm triệu đồng) cho ông Quảng Văn M vào ngày 30/12/2017.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên trả lại cho bị cáo Lường Văn D: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số: 140090006767, do sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La, cấp ngày 31/10/2016, mang tên: Lường Văn D, sinh: 1991, nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Sơn La.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho bị cáo biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Báo cho những người bị hại (Ông Quảng Văn M, chị Quảng Thị C) biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Kỳ Việt